

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27-5-2024

“V/v: Tranh chấp Ly hôn”

**NHÂN DẠH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Khuyển

Ông Nguyễn Duy Khải

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Đại Diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng Tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 25/2024/HNGĐ-ST ngày 31/01/2024 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Dương Đức D, sinh năm 1982; (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu chung cư H, phường Hoàng T, thành phố Chí L, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Bà Đới Thị A, sinh năm 1987; (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn TH 2, xã Bù N, huyện Phú R, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ông Dương Đức D trình bày:**

- Về quá trình hôn nhân: Ông D và Bà Đới Thị A tự nguyện đi đến hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoàng Tiến, huyện Chí Linh (nay là phường Hoàng T, thành phố Chí L), tỉnh Hải Dương vào ngày 01/8/2014. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được 03 năm đầu thì phát sinh

mâu thuẫn nguyên nhân nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay ông D xác định không còn tình cảm với bà A và không thể tiếp tục chung sống với bà A nữa và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với Bà Đới Thị A.

- *Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung*: Trong quá trình chung sống, ông D và bà A có 01 người con chung là cháu Dương Bảo Ah, sinh ngày 14/8/2014. Khi ly hôn, ông D đồng ý giao con chung là cháu Ah cho bà A được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, Ông D có đơn xin xét xử vắng mặt trong vụ án này.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Bà Đới Thị A trình bày:**

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông D và Bà Đới Thị A tự nguyện đi đến hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoàng Tiến, huyện Chí Linh (nay là phường Hoàng T, thành phố Chí L), tỉnh Hải Dương vào ngày 01/8/2014. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được 03 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng qua điểm sống dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay bà A xác định không còn tình cảm với ông D và không thể tiếp tục chung sống với ông D nữa. Trước yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông D thì bà A đồng ý ly hôn.

+ Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà A cũng thừa nhận giữa vợ chồng bà có 01 người con chung là cháu Dương Bảo Ah, sinh ngày 14/8/2014. Khi ly hôn, bà A có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Ah cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Dương Đức D về yêu cầu ly hôn.

+ *Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông D về việc nuôi con, giao cháu Dương Bảo Ah, sinh ngày

14/8/2014 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do các bên không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

+ *Về tài sản và nợ chung*: Do các bên không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tra hỏi tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quA hệ pháp luật: Xét thấy, đây là vụ kiện hôn nhân gia đình “Tranh chấp ly hôn” do nguyên đơn Ông Dương Đức D thực hiện quyền khởi kiện; bị đơn Bà Đới Thị A có nơi đăng ký thường trú tại Thôn TH 2, xã Bù N, huyện Phú R, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú R, tỉnh Bình Phước.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ông Dương Đức D, bị đơn Bà Đới Thị A vắng mặt nhưng đã có văn bản trình bày ý kiến và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông D và bà A tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại xã Hoàng Tiến, huyện Chí Linh (nay là phường Hoàng T, thành phố Chí L), tỉnh Hải Dương. Xét thấy hôn nhân giữa ông D và bà A là tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc; tại thời điểm kết hôn cả hai đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, hôn nhân giữa ông D và bà A là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Căn cứ lời khai của ông D, bà A thì xác định: Trong đời sống hôn nhân, hai người chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, không quA tâm chăm sóc cho nhau, bản thân ông D và bà A đều không có giải pháp để khắc phục, cải thiện cuộc sống vợ chồng nên dẫn đến vợ chồng đã ly thân với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn gia đình đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông D yêu cầu ly hôn và được bà A đồng ý nên được ghi nhận.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, ông D và bà A có 01 người con chung là cháu Dương Bảo Ah, sinh ngày 14/8/2014. Hiện cháu Ah đAg trực tiếp sống với bà A tại Thôn TH 2, xã Bù N, huyện Phú R, tỉnh Bình Phước bà A có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ah cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tuy nhiên có xem xét nguyện vọng của cháu. Tại Biên bản lấy lời khai ngày

01/02/2024 thì cháu Dương Bảo Ah có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà A. Quá trình giải quyết vụ án ông D đồng ý giao con chung là cháu Ah cho bà A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Ah trưởng thành, đủ 18 tuổi. Hơn nữa cháu Ah là con gái, để đảm bảo cho sự phát triển toàn D về thể chất tinh thần của cháu. Căn cứ vào nguyện vọng của đương sự, cần chấp nhận tuyên giao con chung Dương Bảo Ah, sinh ngày 14/8/2014 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nên cần ghi nhận.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú R tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Ông Dương Đức D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các Điều 218, 227, 228, 235 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 80, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Dương Đức D.

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Dương Đức D được ly hôn với Bà Đới Thị A.

QuA hệ hôn nhân giữa Ông Dương Đức D và Bà Đới Thị A chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2] *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Giao con chung là cháu Dương Bảo Ah, sinh ngày 14/8/2014 cho bà A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Do các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Do các bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Ông Dương Đức D phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011044, ngày 31/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú R, tỉnh Bình Phước. Ông D đã nộp đủ án phí.

[5] Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAD, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Phú R;
- Chi cục THADS huyện Phú R;
- UBND phường Hoàng T,
TP. Chí Linh, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hảo